

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS- PT

Ngày: 22 - 10 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Liễu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 65/2024/TLPT - HS ngày 09/10/2024, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1, Vũ Duy C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hoà Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **NGUYỄN THỊ NGỌC T**, sinh năm 1970 tại huyện K, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: xóm B, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Cán bộ Hưu trí; là đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 204 - QĐ/UBKTHU ngày 28/12/2023 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy K; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến T2 (đã chết) và bà Bùi Thị T3 (đã chết), chồng: Bùi Văn T4, sinh năm 1967; có 01 con sinh năm 1995;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến ngày 18/01/2024 được tại ngoại, có mặt.

2. **BÙI SỞ T1**, sinh năm 1989 tại huyện K, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: xóm S, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L; là đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số: 118 - QĐ/UBKTHU ngày 20/3/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn R, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1965; vợ: Lê Thị T5, sinh năm 1990; có 02 con lớn sinh năm 2014 nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 18/2024/HS-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (thời điểm xét xử bản án chưa có hiệu lực do bị cáo kháng cáo). Ngày 10/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình xét xử phúc thẩm, xử phạt 10 tháng tù (theo bản án hình sự phúc thẩm số 32/HS – PT).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2023 đến ngày 05/3/2023. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa bình theo Bản án hình sự phúc thẩm số 32/HS-PT ngày 10/9/2024, được trích xuất có mặt.

3. **VŨ DUY C**, sinh năm 1962 tại huyện M, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: khu Đ, thị trấn B, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Hưu trí; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số: 130 - QĐ/UBKTHU ngày 14/4/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Mạnh K (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; vợ là Vũ Thị Thanh V, sinh năm 1964; có 02 con lớn sinh năm 1988 nhỏ sinh năm 1991.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 18/2024/HS – ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (thời điểm xét xử bản án chưa có hiệu lực do bị cáo kháng cáo). Ngày 10/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình xét xử phúc thẩm, xử phạt 6 tháng tù (theo bản án hình sự phúc thẩm số 32/HS - PT). Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo, người liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Thực hiện chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 17/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về tập trung chỉ đạo và tăng cường biện pháp thực hiện trong năm 2013 cơ bản hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, Bùi Văn D – Chủ tịch UBND xã S giao cho Bùi Văn B – cán bộ địa chính thực hiện, đồng thời phân công Nguyễn Thị Ngọc T giúp việc cho B trong việc rà soát, làm các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) cho các hộ dân có đơn đề nghị trên địa bàn xã S. Nguyễn Thị Ngọc T đang sử dụng thửa đất số 06, tờ bản đồ 00 thuộc

xóm B, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Trước đây có nguồn gốc do bố mẹ T sử dụng, sau đó T tiếp tục sử dụng để trồng hoa màu. Khi được giao nhiệm vụ, bản thân T nhận thức rõ thửa đất này không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ đối với đất ở và đất vườn. Tuy nhiên, T đã lợi dụng việc được phân công nhiệm vụ để thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ. Cuối năm 2013, T viết đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 06 trong đó 400m² đất ở và 60m² đất trồng cây lâu năm, sau đó T đo đạc ghi số liệu thửa đất, tự viết biên bản xác định ranh giới thửa đất, nhờ người dân có đất liền kề ký xác nhận sau đó T đưa hồ sơ cho Bùi Văn B nhờ ký xác nhận vào biên bản xác định ranh giới thửa đất vào mục cán bộ địa chính trong đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đề ngày 20/12/2013. Bùi Văn B biết hồ sơ thiếu các thủ tục, không trực tiếp đo đạc tuy nhiên do nể nang nên B đã căn cứ vào số liệu T cung cấp để vẽ sơ đồ trích đo thửa đất, ký vào các giấy tờ mà T đưa để hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho T.

Sau đó T đưa hồ sơ của mình cho Bùi Văn D ký xác nhận hồ sơ. Bùi Văn D không thực hiện kiểm tra hồ sơ, chủ quan tin tưởng B và T nên đã ký xác nhận hồ sơ. Sau khi ký, T đã sửa thời điểm sử dụng đất tại mục 3.5 trong đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ từ năm 2003 thành năm 1990, tự viết ý kiến của Văn phòng đăng ký đất đai tại mục III trong mẫu số 01/ĐK-GCN với nội dung: “Hồ sơ đầy đủ, đúng, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 6, Điều 50 Luật đất đai năm 2003” rồi chuyển đến chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K.

Khoảng tháng 4 năm 2014 Bùi Sở T1 - cán bộ chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K được phân công thẩm định hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất ở cho Nguyễn Thị Ngọc T. Trong quá trình kiểm tra, Tự phát hiện thấy hồ sơ chưa đầy đủ. Khi đi kiểm tra thực địa thấy thửa đất này không có nhà ở kiên cố, T không sinh sống trên thửa đất này vì vậy không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn nhưng Tự vẫn ký xác nhận đủ điều kiện vào các giấy tờ trong hồ sơ, sau đó trình Vũ Duy C – Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ký xác nhận. Do tin tưởng T1, C đã không kiểm tra lại hồ sơ, không phát hiện ra các sai sót trong hồ sơ nên đã ký xác nhận vào hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ cho T. Ngày 06/01/2015, T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 06, tờ bản đồ 00 diện tích đất ở 400m² đất ở và 60m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: xóm B, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Tại kết luận giám định ngày 08/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình đối với hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 00 diện tích đất ở 400m² đất ở và 60m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: xóm B, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình cho Nguyễn Thị Ngọc T, kết luận: “- Nội dung đăng ký kê khai của người sử dụng đất không đảm bảo theo nội dung yêu cầu trên đơn do có tẩy xóa, sửa chữa mục 3.5; Không có phiếu lấy ý kiến khu dân cư theo mẫu số

01 kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Tình trạng tranh chấp về đất đai và tài sản gắn liền với đất: UBND xã S xác nhận “Sử dụng ổn định” chưa rõ ràng theo khoản 6, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; - Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2015 – 2020; thửa đất của bà Nguyễn Thị Ngọc T thuộc quy hoạch đất lúa. Tuy nhiên, bà T kê khai là đất ở và đất vườn, UBND xã xác nhận phù hợp với quy hoạch, chưa phù hợp với quy định tại khoản 6, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; - Theo tài liệu giám định không có giấy tờ công bố công khai kết quả kiểm tra tại trụ sở UBND xã và xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 14 Nghị định 88/2009/NĐ-CP; - Tại mục III trên đơn đăng ký cấp giấy, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K đã xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận nhưng chưa xác nhận đủ nội dung theo hướng dẫn xác nhận trên mẫu đơn quy định tại phụ lục số 02 thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Theo nội dung xác nhận thời điểm sử dụng đất của UBND xã là năm 2003. Việc xác định hạn mức đất ở chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 25/9/2006 của UBND tỉnh Hòa Bình; - Điều kiện để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ “thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư” đồng thời phải sử dụng liên tục cho một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm được cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 3, nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Tuy nhiên, hồ sơ đề nghị giám định không có tài liệu để xác định thửa đất có nhà ở và sử dụng liên tục vào mục đích đất ở từ thời điểm năm 2003 đến năm 2013; - Theo tài liệu gửi giám định không có phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 120 Nghị định 181/2007/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ do thửa đất của bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ”.

Tại Kết luận định giá số 02/KL- HDDG ngày 02/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự tỉnh Hoà Bình xác định: Thửa đất số 06, tờ bản đồ 00, diện tích 460m² mục đích sử dụng đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 60m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 23/6/2064; địa chỉ tại xóm B, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình có giá trị là 193.680.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS - ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình, quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1 phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Bị cáo Vũ Duy C phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Căn cứ

khoản 1 Điều 356, điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 24 tháng tù; Căn cứ khoản 1 Điều 356, điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Bùi Sở T1 18 tháng tù; Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360, điểm s, v, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Vũ Duy C 12 tháng tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khác trong vụ án, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/8/2024, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 30/8/2024, bị cáo Vũ Duy C kháng cáo xin giảm hình phạt. Ngày 05/9/2024, bị cáo Bùi Sở T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, T1 và C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm: Về thời hạn kháng cáo và thủ tục thực hiện quyền kháng cáo của các bị cáo đã được thực hiện trong thời hạn và đúng hình thức theo quy định; Về nội dung kháng cáo, Tòa án nhân dân huyện K xét xử bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1 về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự, bị cáo Vũ Duy C về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có thêm nhiều tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình, theo hướng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt bị cáo T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng; bị cáo Bùi Sở T1 từ 14 đến 16 tháng tù và bị cáo Vũ Duy C từ 6 đến 9 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[1.2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo bản án. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1 và Vũ Duy C đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Cuối năm 2013, bị cáo T là công chức văn phòng được giao nhiệm vụ rà soát, làm các thủ tục để cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân có đơn đề nghị trên địa bàn xã S. T biết rõ thửa đất 06, tờ bản đồ 00 đang sử dụng trồng màu của mình không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ đối với đất ở và đất vườn nhưng đã lợi dụng nhiệm vụ được phân công nhiệm vụ, đã tự lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ không đúng quy định pháp luật. Sau đó, T đưa hồ sơ cho Bùi Văn B nhờ ký xác nhận vào biên bản xác định ranh giới thửa đất tại mục cán bộ địa chính. B biết hồ sơ thiếu các thủ tục, bản thân B cũng không trực tiếp đo đạc nhưng do nể nang nên B đã căn cứ vào số liệu T cung cấp để vẽ sơ đồ trích đo thửa đất, ký vào các giấy tờ mà T đưa để hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho T. Sau đó, T đưa hồ sơ của mình cho Bùi Văn D ký xác nhận, D với trách nhiệm phải kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ ban đầu nhưng đã không thực hiện kiểm tra mà đã ký xác nhận. Tháng 4 năm 2014, Bùi Sở T1 là chuyên viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K đã không thực hiện đúng công vụ của mình, khi kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ của T đã phát hiện các thiếu sót theo quy định của pháp luật đất đai, biết T không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 06 nhưng do nể nang nên vẫn ký xác nhận hồ sơ để T được cấp GCNQSDĐ, không chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính của người được cấp GCNQSDĐ đối với nhà nước. Vũ Duy C là Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K là người chịu trách nhiệm trong việc thẩm tra, xử lý hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, bị cáo C đã không làm đúng trách nhiệm được giao, không kiểm tra lại hồ sơ mà vẫn ký xác nhận đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ. Dẫn đến ngày 06/01/2015, Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ 00 thuộc xóm B, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình cho Nguyễn Thị Ngọc T, gây thiệt hại cho nhà nước 193.680.000 đồng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các đồng phạm khác, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định, Kết luận định giá cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1, Bùi Văn B về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự, bị cáo Bùi Văn D, Vũ Duy

C về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1 và Vũ Duy C.

Trong vụ án này, bị cáo T có mức độ tham gia tích cực nhất so với bị cáo B, T1 về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn khi thi hành công vụ. Bùi Văn D là người chịu trách nhiệm trong việc xem xét hồ sơ cấp GCNQSDĐ ban đầu nhưng lại không xem xét kỹ lưỡng nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn Vũ Duy C. Hành vi của các bị cáo có tính chất đồng phạm giản đơn nên khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất đồng phạm và mức độ tham gia tội phạm cũng như các tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo đúng quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[2.2.1]. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T. Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo T như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, là người có thành tích xuất sắc trong công tác, bị cáo là người dân tộc thiểu số, tự nguyện đầu thú, tự nguyện đề nghị Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi GCNQSDĐ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân huyện K xét xử bị cáo T 24 tháng tù là đúng với vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án.

Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bị cáo T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bản thân bị cáo không được đào tạo chuyên sâu về đất đai nên khi được phân công giúp việc cho Bùi Văn B trong việc rà soát, làm các thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ, bị cáo T đã có động cơ cá nhân muốn được cấp GCNQSDĐ đất ở và đất vườn đối với chính diện tích mà gia đình bị cáo đang sử dụng trồng màu từ trước năm 1990. Vì vậy, việc phạm tội này mang tính bộc phát, nhất thời thể hiện qua việc khi Thanh tra tỉnh thực hiện kiểm tra chuyên đề phát hiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bị cáo T không đúng quy định, bị cáo T đã chủ động làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi GCNQSDĐ (việc đề nghị ngày được thực hiện trước khi cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố vụ án). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình thêm các tình tiết mới như cung cấp xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S về việc ngày 04/5/2023, bị cáo T và chồng là ông Bùi Văn T4 đã hiến 59,4m² đất để làm đường của thôn, bản thân ông Bùi Văn T4 được tặng kỷ niệm chương vì đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp Bảo vệ an ninh Tổ quốc, bị cáo T cung cấp thêm các thành tích khác trong công tác (có bảng kê kèm theo). Đối chiếu

với Nghị quyết số 02/VBHN – TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo thấy rằng bị cáo T là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện áp dụng cho bị cáo T được hưởng án treo. Cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

[2.2.2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Sở T1. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét như bị cáo T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra Công an huyện Đ (theo Công văn số 128/CQCSĐT ngày 18/11/2023) trong việc phát hiện tội phạm, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có thành tích trong công tác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T1 18 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 xuất trình thêm tình tiết mới như là lao động chính trong gia đình, có ông ngoại là ông Bùi Văn M được tặng Huân chương hạng nhất trong kháng cáo chống Mỹ cứu nước. Để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo T1 nhưng vẫn đảm bảo sự răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[2.2.3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Duy C. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét như bị cáo C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra Công an huyện L (theo Công văn số 272/CV - CSĐT ngày 05/6/2024) trong việc phát hiện tội phạm, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, là người cao tuổi nhưng có bệnh mãn tính tiểu đường phát sinh mạch vành có hiện tượng nghẽn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo C có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo C 12 tháng tù là nghiêm khắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C xuất trình thêm tình tiết mới như có bố đẻ là ông Vũ Mạnh K, Đảng viên 55 năm tuổi Đảng, thương binh kháng chiến chống Mỹ, được tặng Huân chương chống Mỹ hạng nhì, hạng ba. Mẹ vợ là Vũ Thị M1 - Đảng viên 55 năm tuổi Đảng. Bố vợ là ông Vũ Viết Đ - Đảng viên 40 năm tuổi Đảng, là thương binh kháng chiến chống Mỹ, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, là chiến sỹ cách mạng bị địch bắt và tù đầy là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Do đó, cần

chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo C ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, đảm bảo sự răn đe đối với bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1, Vũ Duy C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357; Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Sở T1, Vũ Duy C.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1, Vũ Duy C, cụ thể:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, bị cáo Bùi Sở T1 phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Bị cáo Vũ Duy C phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Sở T1 15 (Mười lăm) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22/11/2023 đến ngày 05/3/2024. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án này.

1.3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Duy C 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án này.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Bùi Sở T1, Vũ Duy C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/10/2024)/.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS H. K;
- CQCSĐT tỉnh Hòa Bình;
- UBKT huyện ủy K;
- Các bị cáo; UBND huyện K;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu